

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2022/DS-PT

Ngày: 20/4/2022

V/v “*Tranh chấp hợp đồng xây dựng*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Y Phi Kbuôr

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tấn Đức

Ông Hoàng Kim Khánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Linh Byă - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 52/2022/TLPT-DS ngày 09/3/2022 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng xây dựng*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 81/2021/DSST ngày 28/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện Cư M’gar bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2022/QĐ-PT ngày 05/4/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ phần P; địa chỉ: Đường T, phường Y, thành phố L, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Lê Thị TH – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị, kiêm tổng Giám đốc, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Lưu Thị Thu H, sinh năm 1976; địa chỉ: Đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

2. Bị đơn: Trại giam Đ; địa chỉ: Xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Thanh Q – Chức vụ: Giám thị trại giam Đ, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Vũ Đức M – Chức vụ: Phó Giám thị Trại giam Đ, có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Cục Cảnh sát quản lý Trại giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng (Cục C10 - Bộ Công an); địa chỉ: Số Z, ngõ X, phố C, quận M, Tp. Hà Nội (tại Công văn số 5464/C10-P15 ngày

19/11/2021 của Cục C10 - Bộ Công an từ chối tham gia tố tụng và đã ủy quyền cho Trại giam Đ, B1 số 294).

4. Người kháng cáo: Bị đơn là Trại giam Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty Cổ phần P trình bày:*

Ngày 28/12/2012, Doanh nghiệp tư nhân P (nay là Công ty Cổ phần P) và Trại giam Đ ký kết với nhau Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 02/2012/HĐ-XD, để thực hiện xây dựng gói thầu xây lắp số 1 là Phân trại K3/Trại giam Đ.

Thực hiện Quyết định số 9632/QĐ/C81-C87 ngày 28/12/2012 của Tổng cục trưởng Tổng cục VIII và Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 02/2012/HĐ-XD ngày 28/12/2012, Công ty Cổ phần P (nhà thầu) cùng với Trại giam Đ (chủ đầu tư) và các bên liên quan phối hợp khắc phục nhiều khó khăn. Trong quá trình thực hiện dự án đã tổ chức triển khai thi công xây dựng hoàn thành công trình đúng theo hồ sơ thiết kế được duyệt, đảm bảo về chất lượng, kỹ thuật và tiến độ, bàn giao cho Chủ đầu tư đưa vào sử dụng đối với gói thầu số 01 vào ngày 30/6/2014.

Theo kế hoạch đấu thầu được duyệt, dự án đầu tư xây dựng Phân trại mới số 3 - Trại giam Đ được chia làm 2 gói thầu xây lắp. Trên cơ sở sau khi xây dựng và hoàn thành gói thầu xây lắp số 01, chủ đầu tư cần đưa công trình vào sử dụng ngay. Tuy nhiên, gói thầu số 01 nếu đưa vào sử dụng thì cần phải xây dựng thêm một số hạng mục thuộc gói thầu số 02. Vì vậy, ngày 30/6/2014 chủ đầu tư là trại giam Đ đã ký hợp đồng là Văn bản thỏa thuận với Công ty Cổ phần P để xây dựng thêm một số hạng mục công trình cấp bách thuộc gói thầu xây lắp số 2 bao gồm các hạng mục sau: Nhà thăm gặp; nhà ở cán bộ quản giáo; nhà kỷ luật số 2; tường rào cấm; tường rào phân khu thoáng; tường rào phân khu kín; sân đường nội bộ khu giam giữ.

Để công trình sớm đưa vào sử dụng, lãnh đạo Trại giam Đ đã đề nghị Công ty Cổ phần P tự chủ động huy động vốn để thi công trước các hạng mục cấp bách, cần thiết thuộc gói thầu xây lắp số 02 theo Văn bản thỏa thuận ký ngày 30/6/2014, phía Chủ đầu tư cam kết sẽ trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện đã xây dựng cho Công ty Cổ phần P.

Căn cứ vào các thỏa thuận đã ký với Chủ đầu tư, Công ty Cổ phần P đã tự vay vốn Ngân hàng và các nguồn khác để triển khai thi công xây dựng các hạng mục trên theo đúng hồ sơ thiết kế đã được duyệt mà Chủ đầu tư bàn giao cho Công ty như thỏa thuận. Công ty Cổ phần P đã thực hiện việc thi công công trình trong thời gian từ ngày 01/7/2014 đến ngày 29/12/2014. Như vậy, đã hoàn thành sớm hơn thời hạn thỏa thuận và đảm bảo về thiết kế, chất lượng đúng như cam kết để bàn giao cho Trại giam Đ đưa vào sử dụng.

Sau khi xây dựng xong công trình, các bên đã tiến hành lập biên bản nghiệm thu công trình. Tại Biên bản nghiệm thu công trình ngày 12/01/2015 với giá trị khối lượng xây lắp tại thời điểm đó đã được Chủ đầu tư, nhà thầu thi công và đơn vị tư vấn giám sát ký xác nhận là: 11.741.215.000 đồng.

Tuy nhiên, sau khi các hạng mục trên được xây dựng xong, gói thầu số 02 được đưa vào sử dụng, phía Công ty Cổ phần P đã nhiều lần làm việc đề nghị chủ đầu tư là Trại Giam Đ thanh toán giá trị khối lượng công việc đã thực hiện xong cho Công ty Cổ phần P, nhưng cho đến nay đã hơn 6 năm vẫn chưa được Trại giam Đ thanh toán một đồng nào giá trị thi công xây dựng theo thỏa thuận, thiệt hại rất lớn đến uy tín và tiền bạc của Công ty.

Sau đó, hai bên đã thống nhất tiến hành thuê kiểm toán lại toàn bộ khối lượng công trình (Gói thầu số 2), theo Báo cáo kiểm toán độc lập số 65a/2021/BCKT-AVN, ngày 01/10/2021, thì tổng số nợ chỉ còn lại là 10.702.937.000 đồng và cả hai bên đã nhất trí với số nợ này.

Nay Công ty Cổ phần P xin rút một phần yêu cầu khởi kiện với số tiền là 1.038.278.000 đồng so với nội dung khởi kiện ban đầu, chỉ yêu cầu Trại giam Đ trả số tiền như kết quả kiểm toán sau này là 10.702.937.000 đồng. Trong trường hợp Trại giam Đ có thiện chí trả ngay toàn bộ số nợ nói trên thì Công ty Cổ phần P chỉ yêu cầu trả số tiền nợ gốc, không yêu cầu trả lãi. Trường hợp không đồng ý trả thì Trại giam Đ có nghĩa vụ trả lãi suất theo quy định của pháp luật là 10%/năm (0,83%/tháng) kể từ ngày 01/01/2016 cho đến nay.

** Quá trình tham gia tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Trại giam Đ là ông Vũ Đức M trình bày:*

Trại giam Đ – trực thuộc Tổng cục VIII – Bộ công an (nay là Cục C10) được Bộ Công an đầu tư xây dựng công trình thuộc Phân trại số 3, theo Quyết định số 4412/QĐ-H41-H45 ngày 16/8/2010 của Tổng Cục VIII - Bộ Công an. Thực hiện Quyết định số 9632/QĐ/C81-C87 ngày 28/12/2012 của Tổng cục trưởng Tổng cục VIII; Trại giam Đ đã tiến hành ký với Công ty Cổ phần P 01 Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 02/2012/HĐ-XD, ngày 28/12/2012, cụ thể:

Giai đoạn 1: Thực hiện gói thầu xây lắp số 01, bao gồm các hạng mục: 01 nhà làm việc; 02 nhà ở cán bộ chiến sỹ bảo vệ; 01 nhà ăn tập thể; 01 nhà công trại; 01 nhà bệnh xá 07 giường; 01 nhà kho bếp phạm; 04 nhà giam chung + ăn + vệ sinh quy mô 120 phạm; 01 nhà giam riêng 20 chỗ; 01 nhà kỷ luật; 04 chòi gác; 586m tường rào bảo vệ; hệ thống cấp điện, chiếu sáng ngoài nhà; hệ thống cấp, thoát nước ngoài nhà; hệ thống PCCC; phòng chống mối; san nền.

Hiện nay đã hoàn thành giai đoạn 1 và đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán giá trị xây lắp hoàn thành với giá trị hợp đồng là 44.095.943.000 đồng vào ngày 30/6/2014.

Theo quy hoạch được duyệt, Phân trại số 3 được xây dựng trên vị trí cũ, đang được sử dụng để giam giữ phạm nhân nữ. Để thực hiện xây dựng công trình phải tháo dỡ, san ủi tạo mặt bằng thi công nên phải điều chuyển số phạm nhân nữ sang giam giữ tại Phân trại số 1 là phân trại đang giam giữ các phạm nhân nam nên số phạm nhân trong Phân trại số 1 tăng đột biến, tại thời điểm đó phạm nhân ở Phân trại số 1 cũng diễn biến phức tạp, mặt khác việc giam giữ phạm nhân nữ trong cùng một phân trại với phạm nhân nam gây nhiều khó khăn, phức tạp, nguy cơ mất an toàn Trại cao, tạo áp lực rất lớn cho đơn vị trong việc quản lý, giam giữ.

Giai đoạn 2: Do yêu cầu cấp thiết như đã nói trên phải thực hiện để đáp ứng nhu cầu sử dụng, quản lý, giam giữ phạm nhân. Trại giam Đ đã thỏa thuận với nhà thầu là doanh nghiệp tư nhân P (nay là Công ty Cổ phần P), chủ động về vốn thi công một số hạng mục cấp bách cần thiết cho yêu cầu giam giữ thuộc gói thầu số 2 (giai đoạn 2), giá trị thanh toán được xác định sau khi được các cơ quan chức năng thẩm tra, phê duyệt và thanh toán khi chủ đầu tư bố trí được kế hoạch vốn, bao gồm: 01 nhà kỷ luật; 385m hàng rào phân khu kín và 220m hàng rào phân khu thoáng; 599m hàng rào cấm; 01 nhà thăm gặp; 01 nhà ở cán bộ quản giáo; 5.854m² sân đường nội bộ khu giam giữ.

Tuy nhiên, do quá trình thực hiện gói thầu có sai phạm về thủ tục đầu tư nên chưa được các cơ quan chức năng thẩm tra, phê duyệt hồ sơ thiết kế, dự toán, không tổ chức đấu thầu theo quy định. Vì vậy, trách nhiệm thuộc Trại giam Đ. Phía Công ty P có sai phạm khi không chấp hành theo quy định của Luật Xây dựng và Luật Đấu thầu. Trại giam Đ đã làm các văn bản gửi các cấp có thẩm quyền xin chủ trương cho phép Trại được thực hiện 1 số hạng mục cấp bách như Báo cáo số 95 ngày 10/12/2013, Tờ trình số 11 ngày 9/4/2014, Báo cáo đề xuất số 38 ngày 19/4/2014 và đã được Cục C87 hướng dẫn lập hồ sơ xin điều chỉnh dự án tại Điện mật số 18/ĐK ngày 16/5/2014, ngày 30/10/2014 đơn vị gửi Báo cáo số 63/BC nghiệm thu hoàn thành gửi Cục H45, ngày 19/11/2014 Phòng 6 - Cục H45 vào kiểm tra nghiệm thu. Sau khi được nghiệm thu đơn vị trình phê duyệt quyết toán gói xây lắp số 1 và đề nghị điều chỉnh dự án tại Tờ trình số 45 ngày 26/6/2015 và đến ngày 11/12/2017 được phê duyệt điều chỉnh dự án số 296a/QĐ-H41-H45, ngày 12/12/2017 đơn vị lập Tờ trình số 107/TTr xin phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu nhưng chưa được các cấp có thẩm quyền chấp thuận. Ngày 01/08/2019 Cục C10 đã triệu tập cuộc họp gồm Lãnh đạo Cục C10, P16, P17, Trại giam Đ, nhà thầu bàn về biện pháp thanh quyết toán công trình.

Ngày 13/9/2019, đoàn công tác giữa Cục H01, Cục H02, Cục C10, Trại giam Đ, đơn vị giám sát, nhà thầu đã kiểm tra ghi nhận hiện trạng, đo đạc thực tế tại hiện trường giá trị được xác định là: 11.741.215.000 đồng. Ngày 09/4/2020 Cục C10 có văn bản số 1804/C10-P17 báo cáo đồng chí Trung tướng Nguyễn Văn S, Thứ trưởng Bộ Công an và đề xuất phương án Cục C10 phối hợp Cục H01 bố trí nguồn

vốn để thanh toán cho nhà thầu bằng hình thức 50% bằng nguồn ngân sách, 50% thanh toán từ nguồn thanh lý cây cao su và thu nhập kết quả lao động học nghề. Đồng chí Thứ trưởng đã có bút phê tại Văn bản số 1804/C10-P17 ngày 14/4/2020 gửi Cục H01, Cục H02 và Cục C10 phối hợp nghiên cứu đề xuất. Ngày 21/4/2020 Cục C10 có Công văn số 1999/CV-C10 gửi Cục H01, Cục H02 phối hợp nghiên cứu đề xuất, nhưng do dịch bệnh Covid 19 và một số nguyên nhân khách quan khác nên chưa thống nhất được lịch họp giữa các bên để tìm giải pháp, đề nghị Lãnh đạo Bộ Công an bố trí vốn để đơn vị sớm có vốn thanh toán cho nhà thầu.

Nay Công ty Cổ phần P có đơn khởi kiện yêu cầu Trại giam Đ trả số tiền xây dựng công trình là 10.702.937.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày nghiệm thu công trình cho đến nay. Nay quan điểm của trại giam Đ như sau:

Về số tiền nợ của Công ty Cổ phần P thì Trại giam Đ xác nhận là **10.702.937.000** đồng; đây là số nợ mà hai bên đã thống nhất (*kể cả cục C10 – Bộ Công an*), theo kết quả kiểm toán độc lập (*Báo cáo kiểm toán độc lập số 65a/2021/BCKT-AVN, ngày 01/10/2021*).

Về phía Trại giam Đ xin có trách nhiệm và thiện trí trả nợ cho Công ty Cổ phần P, nhưng hiện tại chưa có nguồn tiền cụ thể nào, Trại đang xin ý kiến và chờ ý kiến chỉ đạo trực tiếp từ đơn vị chủ quản là Cục C10 – Bộ công an; khi có chủ trương của Cục C10 thì Trại sẽ trả nợ ngay cho Công ty Cổ phần P.

Đối với lãi suất theo yêu cầu khởi kiện bổ sung của nguyên đơn, Trại giam Đ không chấp nhận trả lãi suất, bởi vì Trại đang cố gắng thu xếp để trả nợ gốc, còn lãi suất thì không có nguồn vốn để trả.

** Quá trình tham gia tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Cục Cảnh sát quản lý Trại giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng có văn bản trình bày:*

Đối với gói thầu số 2, thuộc dự án đầu tư xây dựng Công trình phân trại số 3 – Trại giam Đ, do Trại giam Đ tự ý ký kết với Công ty Cổ phần P triển khai thi công khi chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt thiết kế, dự toán, lựa chọn nhà thầu không qua đấu thầu theo quy định. Việc này Cục C10 đã báo cáo lãnh đạo Bộ công an và cấp có thẩm quyền về vi phạm các quy định của nhà nước về quản lý đầu tư công, đấu thầu, xây dựng. Vì vậy, căn cứ vào Luật xây dựng hiện hành, thì văn bản thỏa thuận ngày 30/6/2014 giữa Trại giam Đ và Công ty Cổ phần P không được coi là hợp đồng kinh tế, cho nên hai bên phải chịu trách nhiệm.

Đối với trách nhiệm trả nợ như đơn khởi kiện, Cục C10 - Bộ công an đã đề nghị Lãnh đạo Bộ công an và các cơ quan chuyên môn về hướng xử lý thanh toán cho Công ty Cổ phần P. Tuy nhiên, vấn đề này vẫn đang trong quá trình xem xét và sẽ chỉ đạo Trại giam Đ sau khi được chấp thuận. Về lãi suất chúng tôi không đồng ý trả lãi.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 81/2021/DSST ngày 28/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar đã quyết định:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 điều 39; Điều 144; Điều 147; khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 280; Điều 385; Điều 386; Điều 398; Điều 422; khoản 2 Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 138; Điều 141; Điều 144; Điều 146; Điều 147 Luật Xây dựng năm 2014.

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/10/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện và khởi kiện bổ sung của nguyên đơn Công ty Cổ phần P.

Buộc Trại giam Đ có nghĩa vụ trả cho Công ty Cổ phần P số tiền nợ công trình là 10.702.937.000 đồng và 6.384.302.000 đồng tiền lãi. Tổng cộng là 17.087.239.000 đồng (Mười bảy tỷ không trăm tám mươi bảy triệu hai trăm ba mươi chín ngàn đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí sơ thẩm: Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí 59.870.000 đồng (Năm mươi chín triệu, tám trăm bảy mươi ngàn đồng) và 57.459.500 đồng (Năm mươi bảy triệu, bốn trăm năm mươi chín ngàn, năm trăm đồng) cho nguyên đơn Công ty Cổ phần P, mà nguyên đơn đã nộp (bà Trần Đặng Miên TH nộp thay) tại biên lai thu số AA/2019/0010270 ngày 16/9/2020 và biên lai thu số AA/2019/0016585 ngày 06/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C (đã có văn bản đình chính của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar).

- Bị đơn Trại giam Đ phải nộp 125.087.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo, về trình tự thủ tục thi hành án dân sự cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 14/01/2022 (do bị đơn vắng mặt tại phiên tòa), bị đơn kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 81/2021/DSST ngày 28/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, với nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại phần tiền lãi phát sinh và tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn

vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Đồng thời, nguyên đơn và bị đơn không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk có ý kiến như sau:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án cũng như các đương sự trong vụ án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử phúc thẩm nghị án.

- Về nội dung: Sau khi thực hiện xong hợp đồng của gói thầu số 01 và thanh lý hợp đồng, ngày 30/6/2014 hai bên tiếp tục ký với nhau hợp đồng để nhà thầu là Công ty Cổ phần P tiếp tục xây dựng cho Trại Giam Đ một số công trình. Theo thỏa thuận thì nhà thầu sẽ là bên chủ động toàn bộ về vốn, phía chủ đầu tư cam kết sẽ làm văn bản trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và thanh toán khối lượng giá trị thực hiện xây dựng cho Công ty Cổ phần P theo khối lượng công việc mà Công ty đã thực hiện. Ngày 29/12/2014 Công ty Cổ phần P đã hoàn thành công trình sớm hơn thời hạn và bàn giao cho Trại giam Đ đưa vào sử dụng đúng như thỏa thuận. Tại Biên bản nghiệm thu công trình ngày 12/01/2015 với giá trị khối lượng xây lắp tại thời điểm này được Chủ đầu tư, nhà thầu thi công và đơn vị tư vấn giám sát ký xác nhận là 11.741.215.000đồng. Sau đó hai bên đã kiểm toán lại và thống nhất số tiền Trại giam Đ còn nợ lại nhà thầu thi công là 10.702.937.000đồng. Công ty Cổ phần P đã nhiều lần yêu cầu trại giam Đ trả tiền nhưng Trại giam vẫn không trả, do đó Công ty Cổ phần P yêu cầu Trại giam phải trả số tiền còn nợ là 10.702.937.000 đồng là có căn cứ.

Về lãi suất của số tiền 10.702.937.000 đồng: Việc thực hiện gói thầu số 2 không được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật dẫn đến cơ quan cấp trên của chủ đầu tư không thể quyết toán, trách nhiệm này thuộc về chủ đầu tư và đơn vị thi công. Mặt khác, tại Mục 4.3 Điều 4 biên bản thỏa thuận ngày 30/4/2014 quy định về việc thanh toán như sau: “*Khi chủ đầu tư bố trí được kế hoạch vốn*”, không có thỏa thuận thời gian cụ thể cũng như về lãi suất. Vì vậy, không có căn cứ để buộc chủ đầu tư phải trả lãi suất. Do đó, cần chấp nhận kháng cáo của Trại giam Đ, không buộc Trại giam Đ phải chịu lãi suất và sửa phần án phí dân sự sơ thẩm.

Căn cứ khoản 2 Điều 308 và Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk, đề nghị Hội đồng xét xử sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 81/2021/DSST ngày 28/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện Cư M’gar, tỉnh Đắk Lắk như phân tích trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn được nộp trong thời hạn quy định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên hợp lệ, do đó Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm là phù hợp.

[2] Về nội dung: Trong quá trình giải quyết vụ án, các bên đều thừa nhận ngày 28/12/2012 giữa Công ty Cổ phần P và Trại giam Đ có ký kết hợp đồng thi công xây dựng công trình số 02/2012/HĐ-XD để thực hiện xây dựng gói thầu xây lắp số 01 tại Phân trại K3/Trại giam Đ, ngày 30/6/2014 hai bên đã thực hiện xong và đã thanh lý hợp đồng. Tuy nhiên, để các hạng mục công trình trong gói thầu số 01 nêu trên đưa vào sử dụng được thì cần phải xây dựng thêm một số hạng mục công trình tại gói thầu số 02, cụ thể: Xây dựng nhà thăm gặp, nhà ở cán bộ quản giáo, nhà kỷ luật số 02, tường rào cấm, tường rào phân khu thoáng, tường rào phân khu kín, sân đường nội bộ khu giam giữ; do đó ngày 30/6/2014 hai bên tiếp tục ký kết văn bản thỏa thuận để nhà thầu là Công ty Cổ phần P tiếp tục xây dựng. Ngày 29/12/2014 Công ty Cổ phần P đã hoàn thành công trình sớm hơn thời hạn và bàn giao cho Trại giam Đ đưa vào sử dụng, ngày 10/01/2015 các bên tiến hành nghiệm thu khối lượng xây lắp hoàn thành công trình, đáp ứng yêu cầu giam giữ, đảm bảo an ninh an toàn cho Trại giam và ngày 12/01/2015 các bên tiến hành nghiệm thu hoàn thành công trình và đã đưa vào sử dụng công trình, đảm bảo khối lượng, chất lượng và khi tiến hành nghiệm thu có cơ quan đại diện về tư vấn giám sát là Công ty Cổ phần tư vấn Đầu tư X tham gia. Tại hồ sơ nghiệm thu giá trị khối lượng xây lắp hoàn thành thì các bên xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng đề nghị thanh toán là 11.741.215.000 đồng. Tuy nhiên, sau khi căn cứ vào báo cáo kiểm toán độc lập số 65a/2021/BCKT-AVN ngày 04/10/2021 của Công ty TNHH kiểm toán AVN Việt Nam thì các bên thống nhất số tiền chưa thanh toán, cũng như giá trị hợp đồng là 10.702.937.000 đồng. Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án, Trại giam Đ cũng xác nhận số tiền xây dựng công trình còn nợ Công ty Cổ phần P là 10.702.937.000 đồng và cam kết xin chịu trách nhiệm, có thiện chí trả nợ cho Công ty Cổ phần P. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn là Trại giam Đ phải có nghĩa vụ trả cho Công ty Cổ phần P số tiền nợ gốc của công trình 10.702.937.000 đồng là có căn cứ, đồng thời xét về giá trị của hợp đồng và số tiền nợ gốc của hợp đồng phải thanh toán thì các bên không ai kháng cáo.

[3] Xét về lãi suất: Bị đơn Trại giam Đ kháng cáo, cho rằng Trại giam Đ không phải cấp có thẩm quyền quyết định vốn nên đã thống nhất với nhà thầu là sau khi công trình hoàn thành phải được cấp có thẩm quyền thẩm tra, phê duyệt và tại mục 4.3 Điều 4 của Văn bản thỏa thuận ngày 30/6/2014 cũng thể hiện ở mục “Thanh toán: Khi chủ đầu tư bố trí được vốn”; cho nên việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc Trại giam Đ chịu tiền lãi suất và án phí là không đúng.

Xét kháng cáo của Trại giam Đ thì thấy: Văn bản thỏa thuận ngày 30/6/2014 được ký kết giữa Trại giam Đ (là chủ đầu tư) với Doanh nghiệp tư nhân P (nay là

Công ty Cổ phần P – là nhà thầu) về việc: thi công xây dựng các hạng mục: Nhà thăm gặp, nhà ở cán bộ quản giáo, nhà kỷ luật số 02, tường rào cấm, tường rào phân khu thoáng, tường rào phân khu kín, sân đường nội bộ khu giam giữ; là xuất phát từ sự tự nguyện thỏa thuận, thống nhất của các bên là phù hợp với quy định của pháp luật, đồng thời việc xây dựng các công trình nêu trên như Trại giam Đ đã trình bày là rất cần thiết. Như vậy, việc Trại giam Đ không thực hiện trả tiền cho Công ty Cổ phần P sau khi nghiệm thu công trình, công trình đã hoàn thành, Công ty Cổ phần P đã bàn giao công trình và Trại giam Đ đã đưa công trình vào sử dụng nhưng không thanh toán giá trị công trình cho Công ty Cổ phần P là vi phạm nghĩa vụ trả tiền. Theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự quy định như sau: *“Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này”*; do đó, theo biên bản thỏa thuận ngày 30/6/2014, tuy các bên không thỏa thuận về lãi suất trong văn bản thỏa thuận nhưng do Trại giam Đ vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Cổ phần P, đồng thời nguồn vốn mà Công ty Cổ phần P xây dựng công trình cho Trại giam Đ là vay vốn Ngân hàng, phải thế chấp nhiều tài sản cũng như phải chịu lãi suất với Ngân hàng nên việc Công ty Cổ phần P yêu cầu Trại giam Đ phải thanh toán cả tiền lãi suất là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật. Như vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự để tính lãi suất, cụ thể: $10.702.937.000 \text{ đồng} \times 10\%/năm \times 05 \text{ năm } 11 \text{ tháng } 26 \text{ ngày}$ (tính từ ngày 01/01/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 28/12/2021) = 6.384.302.000 đồng là có căn cứ.

Trại giam Đ cho rằng trước khi ký kết hợp đồng, do không thông qua đấu thầu theo quy định của pháp luật, chưa được cơ quan cấp trên phê duyệt gói thầu nên không phát sinh lãi suất và không có nguồn vốn để trả lãi là không có cơ sở, vì lỗi không thông qua đấu thầu thuộc về Trại giam Đ.

Từ phân tích nhận định trên, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị đơn về tiền lãi suất, cần giữ nguyên Bản án sơ thẩm, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền 17.087.239.000 đồng (trong đó: tiền gốc 10.702.937.000 đồng và tiền lãi 6.384.302.000 đồng).

[4] Về án phí:

[4.1] Án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; cụ thể bị đơn phải chịu án: $112.000.000đ + 0.1\% \times (17.087.239.000đ - 4.000.000.000đ) = 125.087.000đ$ (làm tròn), nên cũng không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị đơn về tiền án phí.

[4.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 280; Điều 385; Điều 386; Điều 398; Điều 422; khoản 2 Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Điều 138; Điều 141; Điều 144; Điều 146; Điều 147 Luật xây dựng 2014. Khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/10/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn là Trại giam Đ.

- Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 81/2021/DSST ngày 28/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện và khởi kiện bổ sung của nguyên đơn là Công ty Cổ phần P.

Buộc Trại giam Đ có nghĩa vụ phải trả cho Công ty Cổ phần P số tiền nợ công trình là 10.702.937.000 đồng (*Mười tỷ bảy trăm lẻ hai triệu chín trăm ba mươi bảy ngàn đồng*) và 6.384.302.000 đồng (*Sáu tỷ ba trăm tám mươi bốn triệu ba trăm lẻ hai ngàn đồng*) tiền lãi. Tổng cộng là 17.087.239.000 đồng (*Mười bảy tỷ không trăm tám mươi bảy triệu hai trăm ba mươi chín ngàn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Về án phí:

[2.1] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc bị đơn Trại giam Đ phải chịu 125.087.000 đồng (*Một trăm hai mươi lăm triệu, không trăm tám mươi bảy ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí 59.870.000 đồng (*Năm mươi chín triệu, tám trăm bảy mươi ngàn đồng*) và 57.459.500 đồng (*Năm mươi bảy triệu, bốn trăm năm mươi chín ngàn, năm trăm đồng*) cho nguyên đơn Công ty Cổ phần P, mà nguyên đơn đã nộp (bà Trần Đặng Miên TH nộp thay) tại biên lai thu số AA/2019/0010270 ngày 16/9/2020 và biên lai thu số AA/2019/0016585 ngày 06/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

[2.2] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bị đơn Trại giam Đ phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng

án phí mà bị đơn đã nộp tại biên lai thu số AA/2021/0007926 ngày 17/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

[3]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[4]. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Cư M'gar;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Y Phi Kbuôr